

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HSST

Ngày: 06 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái - Cán bộ hưu trí, Hòa giải viên.

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Thành T, sinh năm 1998 tại thành phố CT; nơi cư trú: ấp TKA, xã TL, huyện PĐ, thành phố CT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U và bà Phan Thị LA; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2021 cho đến ngày 07/5/2021 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Sơn Kh, sinh ngày 20/02/2002 tại huyện LH, tỉnh VL; nơi cư trú: ấp PBA, xã PQ, huyện LH, tỉnh VL; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Sơn Th và bà Phan Thị H; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/6/2020 đến ngày 16/4/2021, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị XL là Chủ Doanh nghiệp tư nhân XL; địa chỉ: Số 650, tổ 4, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn TCKM (Công ty TCKM); địa chỉ trụ sở chính: Số L28-N12 đường số 8, khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TCKM: ông Trần Đăng Khôi, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TCKM (Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc); vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Anh Kh, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Sơn Kh: bà Vũ Thị Phương Th là Trợ giúp viên pháp lý của Trung T trợ giúp pháp lý nhà Nước, tham gia tố tụng để bào chữa cho bị cáo theo Quyết định số 208/QĐ-TGPL ngày 29/6/2020 của Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2018 Lê Thành T và Lâm Sơn Kh làm công nhân sản xuất quạt điện tại Công ty ĐH thuộc khu công nghiệp VLA, phường BHH, quận BT, thành phố HCM và cùng thuê nhà trọ để ở chung. Tại nơi thuê trọ T và K quen biết với Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1996, thường trú tại ấp TPB, xã TLT, huyện CTA, tỉnh HG là người ở cùng khu nhà trọ với T và K. Đến đầu năm 2019 T và K nghỉ làm công nhân về nhà phụ giúp gia đình nhưng vẫn thường xuyên liên lạc qua mạng xã hội với Th. Khoảng tháng 11/2019, Th nhắn tin kêu T và K đi theo trông coi đồ cho Th, tiền ăn uống, sinh hoạt hàng ngày Th chi trả, tiền công mỗi ngày từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Nghe Th nói vậy nên T và K đồng ý, Th kêu T và Khai đến thành phố LX, tỉnh AG để gặp Th rồi gửi cho K mượn 500.000 đồng, T mượn 1.000.000 đồng. K đến gặp Th trước còn T đến nhà trọ nơi mẹ của Th thuê tại quận CR, thành phố CT lấy chiếc xe mô tô loại NOVOU biển số 51V-0995 cho Th. Khi T và K đến thành phố LX thì Th giới thiệu người đàn ông tên "T1" là chồng của Th và một người đàn ông tên "K1" (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ). Th kêu T và K đi theo K1 đến các tiệm kinh doanh vàng để cầm cố và học cách K1 nói chuyện khi cầm nhẫn vàng, T và K hỏi vàng này là vàng gì thì được T1 trả lời là vàng thiếu tuổi cầm không sao đâu, nếu có chuyện gì thì điện thoại cho T1 đến giải quyết. Sau đó T1, Th đưa nhẫn cho K1, T, K đem đi cầm tại

các tiệm vàng tại tỉnh AG, T1 và Th là người chạy xe phía trước khi thấy tiệm vàng thì T1 điện thoại cho K1, T, K hoặc mở đèn xi nhan để mang nhẫn vào cầm cố với giá từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng. Sau khi cầm được nhẫn thì những người này mang tiền đưa cho T1 rồi lấy chiếc nhẫn khác từ T1 để tiếp tục mang đi cầm. Tại thành phố CT, T tiếp tục mượn của T1 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, khi T và K phát hiện những chiếc nhẫn mang đi cầm là vàng giả nên không đồng ý mang đi cầm nữa thì T1 đòi lại số tiền mà T và K đã mượn, do không có tiền trả cho T1 nên T, K chấp Th đem nhẫn do T1 đưa đến tiệm vàng cầm cố lấy tiền đưa cho T1. Sau khi xảy ra cạ cãi giữa T1 và Th thì Th bỏ về thành phố HCM, với thủ đoạn tương tự T1, K1, T, K mang nhẫn vàng giả đến cầm cố ở các tiệm vàng tại thành phố CT, tỉnh Hậu Giang, huyện Giồng Riềng và thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang.

Khoảng 20 giờ ngày 02/12/2019 T1 đến thuê phòng tại nhà nghỉ LV thuộc ấp MH, xã ML, huyện HĐ để cả nhóm ngủ, đến khoảng 09 giờ ngày 03/12/2019 T1 trả phòng rồi phân công K1 và Tin (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đi 01 xe mô tô đem nhẫn vàng giả cầm cố ở các tiệm vàng bên trái, còn T và K đi xe mô tô biển số 51V3-0995 đem nhẫn vàng giả cầm cố ở các tiệm vàng bên phải hướng RG – HT. T1 thì chạy xe chở đồ đạc cá nhân chạy phía trước để tìm các tiệm vàng cho đồng bọn mang nhẫn vàng giả đến cầm cố. Khi đến tiệm vàng TC (K) tại khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn thì T và K đi vào gặp anh Nguyễn Anh Kh là nhân viên tiệm vàng cầm chiếc nhẫn vàng giả trọng lượng 02 chỉ 04 phân được 4.500.000 đồng, sau khi cầm được nhẫn T điện thoại cho T1 đến quán cà phê cặp mé đường rồi đưa cho T1 số tiền 4.500.000 đồng và giấy biên nhận, T1 đưa cho T và K 01 chiếc nhẫn vàng giả khác để tiếp tục mang đi cầm. T điều khiển xe mô tô biển số 51V3-0995 chở K đến tiệm vàng XL tại khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn cầm chiếc nhẫn vàng giả trọng lượng 02 chỉ 4,5 phân cho bà Dương Thị XL là chủ tiệm vàng được 4.500.000 đồng, T điện thoại cho Tuấn đến đưa tiền và nhận bị chiếc nhẫn vàng giả khác.

T và K mang chiếc nhẫn vàng và đến tiệm vàng TC (K) tại khu phố Tri Tôn, thị trấn Hóa Đất để cầm, sau khi kiểm tra thì ông Trần Đăng Khôi là chủ cửa hàng phát hiện chiếc nhẫn là vàng giả nên ông Khôi không cầm và trả trả lại chiếc nhẫn cho T. Sau khi T và K chạy xe về hướng KT thì ông K2 điện thoại cho anh K3 là người làm thuê cho ông ở tiệm vàng TC (K) tại thị trấn Sóc Sơn để hỏi xem anh Khoa có cầm chiếc nhẫn của hai người thanh niên không. Biết chiếc nhẫn mà anh Khoa đã cầm là vàng giả nên bà Đặng Ngọc Mai và người thân chạy xe mô tô đuổi theo T và K, khi đến ấp KT, xã BG, huyện HĐ thì bà M phát hiện thấy T và K đang ở tiệm vàng NM nên bà M và người thân bắt giữ giao cho Công an xã BG giải quyết. Qua làm việc Công an xã BG thu giữ của T 01 chiếc nhẫn bằng kim loại

màu vàng, anh Khoa và bà Lan giao nộp 02 chiếc nhẫn vàng giả đã cầm của T và K; bà Thị Mỹ Ph, ông Trương Hoàng V giao nộp 02 chiếc nhẫn vàng giả đã cầm của “K1 và “Tin” cho Công an huyện Hòn Đất để điều tra làm rõ. Quá trình điều tra T và K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định số 375/C09 ngày 13/01/2020; số 376/C098 ngày 27/12/2019; số 377/C09B ngày 14/01/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố HCM kết luận:

+ Gói 1: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có nhiều hạt đá màu trắng gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu), tổng khối lượng (cả hạt đá): 9,7729 gam. Hàm lượng Vàng (Au) rất thấp, nhỏ hơn 0,2% (Tang vật thu trên người Lê Thành T).

+ Gói 2: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có nhiều hạt đá màu trắng gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu), tổng khối lượng (cả hạt đá): 9,3796 gam. Hàm lượng Vàng (Au) rất thấp, nhỏ hơn 0,2% (Tang vật do bà Dương Thị XL giao nộp).

+ Gói 3: 01 nhẫn kim loại màu vàng có nhiều hạt đá màu trắng gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu), tổng khối lượng (cả hạt đá): 9,4883 gam. Hàm lượng Vàng (Au) rất thấp, nhỏ hơn 0,2% (Tang vật do anh Nguyễn Anh Kh giao nộp).

+ Gói 4: 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính hạt đá, tổng khối lượng: 9,4934 gam, được niêm phong gói giám định có các thành phần kim loại Đồng (Cu), hàm lượng Đồng khoảng: 65,69%, kim loại Kẽm (Zn), hàm lượng Kẽm khoảng 32,19%, kim loại Vàng (Au), hàm lượng vàng rất thấp khoảng 0,01% (Tang vật doanh Trương Hoàng Vũ giao nộp).

+ Gói 5: 01 chiếc nhẫn đính đá có chứa thành phần kim loại chính là Đồng (Cu) và Kẽm (Zn), hàm lượng Đồng 65,64%, hàm lượng Kẽm 31,96%. Tổng khối lượng (bao gồm cả đá): 9,6255 gam (Tang vật do bà Thị Mỹ Phụng giao nộp).

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã ra quyết định K1 tố vụ án hình sự, K1 tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với T, K để điều tra.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu trong quá trình điều tra:

1. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 13 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "09", bên trong nhẫn có ký hiệu “K Phúc 68%”.

2. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 15 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "60", bên trong nhẫn có ký hiệu “K Phúc 68%”.

3. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 15 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu “09”, bên trong nhẫn có ký hiệu “K Phúc 68%”.

4. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 15 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu “60” nhẫn bị cắt dọc 02 đường, bên trong nhẫn có ký hiệu “K Phúc 68%”.

5. Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 03 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu “60”, bên trong nhẫn có ký hiệu “K Phúc 68%”. Nhẫn bị móp méo, trầy xước, mặt sau nhẫn có 01 đường cắt dọc.

6. Một xe mô tô biển số 51V3-0995, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOVOU, Số khung RLCN2B515Y003278, số máy 2B5108278 (xe đã qua sử dụng - không có dữ liệu tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ).

7. Một điện thoại di động, màn hình trắng đen, nhãn hiệu NOKIA, màu bạc đen, MODEL 1110i (đã qua sử dụng).

8. Một điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, MODEL TA 1114 (đã qua sử dụng).

9. Tiền Việt Nam 1.050.000 đồng hiện đang được gửi tại Kho Bạc Nhà Nước huyện Hòn Đất.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-HĐ ngày 07/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố các bị can T, K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo T, K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm s, b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm s, b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 91, khoản 1 Điều 101 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Lâm Sơn Kh từ 06 đến 09 tháng tù.

Quá trình điều tra, truy tố và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/7/2021 người bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn TCKM do ông Trần Đăng Khôi làm người đại diện hợp pháp xác định các bị cáo đã bồi thường số tiền là 4.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/8/2021 người bị hại là bà Dương Thị XL – Chủ Doanh nghiệp tư nhân XL không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Người bào chữa cho bị cáo Kh là bà Vũ Thị Phương Th gửi văn bản trình bày ý kiến: Thống nhất với tội danh mà VKS đã truy tố đối với bị cáo Kh. Bị cáo Kh không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Kh đã ăn năn hối cải, thành thật khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội khi chưa thành niên. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 174 BLHS xử phạt bị cáo Kh 06 tháng tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Kh trình bày: Bị cáo đã hối hận vì hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại đơn xin xét xử ngày 17/8/2021 bị cáo T xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo Nguyễn Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận; người bào chữa cho bị cáo Lâm Sơn Kh, người bị hại là bà Dương Thị XL – Chủ Doanh nghiệp tư nhân XL và người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn TCKM có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị cáo, bị hại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 290, Điều 291, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Vào ngày 03/12/2019 sau khi bàn bạc, phân công nhiệm vụ thì người đàn ông tên T1 giao cho Lê Thành T cùng với Lâm Sơn Kh 03 chiếc nhẫn vàng giả mang đến các tiệm vàng trên địa bàn huyện Hòn Đất để cầm cố. Biết là nhẫn vàng giả nhưng T và K vẫn mang đến tiệm vàng TC (K) và tiệm vàng XL ở khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất cầm cố được 9.000.000 đồng, số tiền này T đều đưa lại cho T1. T và K tiếp tục mang nhẫn vàng giả đến tiệm vàng NM tại ấp KT, xã BG, huyện HD để cầm cố thì bị Công an xã BG bắt giữ người, tang vật và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất điều tra làm rõ.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và các tình tiết khác của vụ án.

Tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức....”

Các bị cáo đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 9.000.000 đồng. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đối chiếu hành vi của các bị cáo với quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của BLHS năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm nhưng các bị cáo không phải là người tổ chức mà là người trực tiếp thực hiện tội phạm, có vai trò ngang nhau. Các bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 174 của BLHS năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt là bảy năm tù là tội phạm nghiêm trọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của BLHS năm 2015 nên cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khắc phục hậu quả cho người bị hại nên có căn cứ cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 nên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

Xét về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Kh, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo áp dụng Điều 91, Điều 101 khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 174 BLHS năm 2015 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do đó, bị cáo T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

Bị cáo Kh thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 91 của BLHS năm 2015.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng là tang vật thu giữ khi bắt các đối tượng và do các chủ tiệm vàng giao nộp giao cho Công an huyện Hòn Đất tiếp tục bảo quản tại kho vật chứng để điều tra làm rõ những đối tượng còn lại có liên quan đến vụ án.

Vật chứng là phương tiện để các đối tượng dùng để đi lừa đảo, liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bị cáo T số tiền bị thu giữ là 1.500.000 đồng do không liên quan đến tội phạm.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông tên T1 là người chủ mưu đứng ra tổ chức, phân công nhiệm vụ, cung cấp nhẫn vàng giả cho K1, Tín, T, K để mang đi lừa đảo và lấy tiền khi cầm được nhẫn vàng giả, do chưa xác định được nhân thân của T1 và K1, Tín nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất tiếp tục điều tra làm rõ nếu đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc Th là người có hành vi đồng phạm với T1 trong việc cung cấp và tổ chức cho người khác mang nhẫn vàng giả đi cầm để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, qua xác minh Th không có mặt ở địa phương nên chưa mời làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất tiếp tục truy tìm làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 9, Điều 38, điểm b và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành hình phạt nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2021 đến ngày 07/5/2021.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 9, điểm b và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101, điểm a khoản 2 Điều 174 của BLHS năm 2015 tuyên bố bị cáo Lâm Sơn Kh phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo Kh 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 10/5/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước một xe mô tô biển số 51V3-0995, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOVOU, số khung RLCN2B515Y003278, số máy 2B5108278 (xe đã qua sử dụng - không có dữ liệu tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ); một điện thoại di động, màn hình trắng đen, nhãn hiệu NOKIA, màu

bạc đen, MODEL 1110i (đã qua sử dụng); một điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, MODEL TA 1114 (đã qua sử dụng).

Hoàn trả cho bị cáo T tiền Việt Nam là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm chục nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 30/6/2020 của Kho bạc Nhà nước huyện HĐ, tỉnh KG.

Giao cho Công an huyện HĐ, tỉnh KG tiếp tục bảo quản các vật chứng bao gồm: Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 13 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "09", bên trong nhẫn có ký hiệu "K Phúc 68%"; một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 15 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "60", bên trong nhẫn có ký hiệu "K Phúc 68%"; một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 15 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "09", bên trong nhẫn có ký hiệu "K Phúc 68%"; một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 15 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "60" nhẫn bị cắt dọc 02 đường, bên trong nhẫn có ký hiệu "K Phúc 68%"; một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính 03 hạt màu trắng, mặt sau nhẫn có ký hiệu "60", bên trong nhẫn có ký hiệu "K Phúc 68%". Nhẫn bị móp méo, trầy xước, mặt sau nhẫn có 01 đường cắt dọc.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo T, K mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo vắng mặt, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú